

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 191/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2025
V/v tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Thiên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2051/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là ông A, sinh năm 1970; căn cước công dân số: M; địa chỉ: X, CVA, phường BT, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: X, CVA, Phường P, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt);

2. Bị đơn là bà B, sinh năm 1991; căn cước công dân số: N; địa chỉ: LQĐ, phường GĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: LQĐ, Phường K, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ông A và bà B ly hôn theo Quyết định số: 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Về con chung đôi bên thỏa thuận bà B là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên C, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013. Hàng tháng ông A cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Tuy nhiên, từ khi có quyết định của Tòa án, bà B không trực tiếp nuôi con mà giao lại cho ông nuôi dưỡng. Nay ông yêu cầu Tòa án thay đổi

người trực tiếp nuôi con và yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Bị đơn bà B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để nộp hoặc đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu. Về phía bị đơn bà B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc mở phiên tòa xét xử giải quyết vụ án dân sự; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông A, giao trẻ C, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013 cho ông Khánh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom. Bà B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải đóng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02/ năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2013.

Tại phiên tòa, ông A cho rằng từ năm 2022 đến nay, trẻ C sống cùng ông. Tại biên bản tự khai ngày 06 tháng 3 năm 2025, trẻ C bày tỏ mong muốn được

sống cùng ông A. Về phía bà B trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã không có mặt và không gửi (nộp) văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ C cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông A: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Đối chiếu quy định nêu trên, bà B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông A yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy do bà B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, về phía ông A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập trung bình mỗi tháng của bà B. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú để làm căn cứ giải quyết vụ án, cụ thể: Mức lương tối thiểu vùng I (Thành phố Hồ Chí Minh thuộc vùng I) là 4.960.000 đồng, vì vậy, ông A yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng là phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ –HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 82, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ –HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Giao trẻ C, sinh ngày 02/3/2013 cho ông A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hàng tháng bà B cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Kể từ khi ông A có đơn yêu cầu thi hành án, bà B chưa thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện

theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng

Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029300 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Quyền kháng cáo*: Ông A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND KV 5-TPHCM;
- Phòng THA DS KV5-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Linh Phượng

